

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THUẬN AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 119/2024/LĐ-ST  
Ngày: 29 - 7 - 2024  
V/v Tranh chấp về hợp đồng lao  
động

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

Bà Trần Ngọc Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Hà Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 105/2024/TLST-LĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng lao động”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2024/QĐXXST-LĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Mai Hiền T, sinh năm 1988; nơi thường trú: Ấp V, xã V1, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: Số 487A/5, khu phố 4, phường A, thành phố M, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**- Bị đơn:** Công ty TNHH T; địa chỉ: Khu phố 1B, phường A, thành phố M, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Mai Thị Hồng V3, sinh năm 1994; nơi thường trú: Ấp M1, xã M2, huyện C, tỉnh An Giang, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bảo hiểm xã hội thành phố M, địa chỉ: Đường N, khu phố B, phường L, thành phố M, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 17/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà T, trình bày:

Từ tháng 6/2007 đến tháng 7/2020 bà có ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH E, bà T có tham gia bảo hiểm xã hội với mã số bảo hiểm xã hội 9107099359 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương.

Do không am hiểu về pháp luật nên bà T có cho bà V3 mượn giấy chứng minh nhân dân để giao kết hợp đồng lao động tại Công ty TNHH K từ tháng 6/2009 đến tháng 3/2012 với mã số Bảo hiểm xã hội 7409029459.

Thực tế tồn tại hai mã số Bảo hiểm xã hội 9107099359 và 7409029459 cùng mang tên Mai Hiền T, chứng minh nhân dân 351779010, căn cước công dân 089188017171 vào thời điểm tháng 6/2009 đến tháng 3/2012 bà T vừa làm việc tại Công ty TNHH K và trong khoảng thời gian từ tháng 6/2007 đến tháng 7/2020 bà T làm việc tại Công ty TNHH E nên bà T không thực hiện được thủ tục bảo hiểm xã hội và trợ cấp thất nghiệp.

Do đó bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động tên Mai Hiền T (do bà Mai Thị Hồng V3 là người lao động) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH K trong khoảng thời gian từ tháng 6/2009 đến tháng 3/2012 là vô hiệu toàn bộ. Bà T không có yêu cầu Tòa án giải quyết gì về hậu quả của hợp đồng vô hiệu, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Công ty TNHH K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa tuy nhiên công ty cũng như người đại diện theo pháp luật của công ty vắng mặt không có lý do.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà V3 trình bày:* Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2009 đến tháng 3/2012 bà V3 có hỏi mượn giấy chứng minh nhân dân của bà T để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T. Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà T thì bà thống nhất và không có yêu cầu gì liên quan đến hợp đồng lao động trên.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố Thuận An trình bày:* Trong quá trình tố tụng đã có công văn phúc đáp số 375/CV-BHXX ngày 16 tháng 5 năm 2024 cho Tòa án về quá trình đóng bảo hiểm của bà T tại Công ty TNHH K (từ tháng 6/2009 đến 3/2012) và Công ty TNHH E (từ tháng 6/2007 đến tháng 7/2020), đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ Điều 15, 16, 49 và 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà T khởi kiện yêu cầu tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên Mai Hiền T (do bà Mai Thị Hồng V3 là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH K trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2009 đến tháng 3 năm 2012 là vô hiệu toàn bộ. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hợp đồng lao động” được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH K có địa chỉ trụ sở phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án nguyên đơn; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về nội dung: Xét thấy bà T cho bà V3 mượn hồ sơ để xác lập hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội (từ tháng 6 năm 2009 đến tháng 3 năm 2012) tại Công ty TNHH K mã số Bảo hiểm xã hội 7409029459. Trong khoảng thời gian trên, bà T cũng giao kết hợp đồng lao động tại Công ty TNHH E (từ tháng 6/2007 đến tháng 7/2020) và tham gia bảo hiểm xã hội theo mã số Bảo hiểm xã hội 9107099359.

[4.1] Thực tế đối tượng lao động và ký kết hợp đồng tại Công ty TNHH K từ tháng 6 năm 2009 đến tháng 3 năm 2012 là bà V3 chứ không phải bà T. Việc bà V3 mượn hồ sơ của bà T để đi làm tại Công ty TNHH K là vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo khoản 1 Điều 15 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động 2019, nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động 2019 đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Bà V3 và Công ty TNHH K không tranh chấp gì trong vụ án nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 17, 19, 50, 51 và Điều 52 Bộ luật Lao động năm 2012 (nay là các Điều 15, 16, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019).

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Hiền T về việc Tranh chấp về hợp đồng lao động với bị đơn Công ty TNHH T.

Tuyên Hợp đồng lao động giao kết giữa bà Mai Hiền T và Công ty TNHH K trong thời gian từ tháng 6 năm 2009 đến tháng 3 năm 2012 là vô hiệu toàn bộ.

Về hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu: Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với bà Mai Hiền T theo quy định pháp luật.

2. Về án phí: Công ty TNHH K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Mai Hiền T số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001825 ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Hà**

